

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39** /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2023

V/v “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Kim Đắc.

2. Ông Đặng Ngọc Thập.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Danh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thanh T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn ĐA, xã NP, huyện Nông Sơn, Quảng Nam.

- Bị đơn: Anh Lê Đức H, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn ĐA, xã NP, huyện Nông Sơn, Quảng Nam.

Hiện đang tạm trú tại: tổ 5, phường TTN, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phan Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Thanh T và anh Lê Đức H là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QP (nay là xã NP), huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam vào ngày 27/11/2009. Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh H có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên uống rượu về chửi bới và đánh đập vợ con, anh H có những lời

nói xúc phạm đến chị T và gia đình chị T, đã nhiều lần chị T khuyên can nhưng anh H không hề thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đức H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Như Y, sinh ngày 28/7/1998 và Lê Thị Như H, sinh ngày 12/12/2002. Hiện nay hai con đã trưởng thành chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Theo biên bản lấy lời hai của đương sự ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân quận 12, TP. Hồ Chí Minh, bị đơn anh Lê Đức H trình bày: Anh và chị Phan Thị Thu T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã QP(Nay là N P), huyện Nông Sơn nhưng không nhớ ngày tháng năm kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh H cho rằng, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đáng kể. Nay anh còn yêu thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn với chị T; khi vợ anh chị Phan Thị Thu T về quê hơn 01 tháng thì anh có về thuyết phục nhưng không được. Do công việc ở xa nên anh H đề nghị Tòa án trong quá trình làm việc, hòa giải, xét xử tại Tòa án anh H đề nghị được giải quyết vắng mặt anh.

Về con chung: Có hai con chung tên Lê Thị Như Y, sinh năm 1998 và Lê Thị Như H, sinh năm 2002; các con hiện đã thành niên và tự lập nên không yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Anh H và chị T tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn phát biểu ý kiến:

- Về phần thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có yêu cầu giải vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay thì thấy: mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 58 của luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn của của chị Phan Thị Thanh Thúy.

Về hôn nhân: Cho chị Phan Thị Thanh T được ly hôn với anh Lê Đức H.

Về con chung: Có 02 con chung tên, Lê Thị Như Y, sinh ngày 28/7/1998 và Lê Thị Như H, sinh ngày 12/12/2002. Hiện nay các con đã trưởng thành và tự lập nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Lê Đức H có đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ tại thôn ĐA, xã NP, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; Chị Phan Thị Thanh T có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Lê Đức H. Chị T khởi kiện xin ly hôn với anh H nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam theo Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục tố tụng cho đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Đức H yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Đức H.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Thanh T và anh Lê Đức H tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã QP (Nay là NP), huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2019 ngày 27 tháng 11 năm 2009. Quá trình giải quyết vụ án, chị T cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do anh H thường xuyên rượu chè, về nhà anh H chửi bới, xúc phạm đến chị T và gia đình chị T, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị T làm đơn yêu cầu được ly hôn anh H.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị T và anh H tại địa phương, bà Nguyễn Thị N, Chủ tịch Hội phụ nữ xã NP cho biết: Chị Phan Thị Thanh T và anh Lê Đức H đi làm ăn, sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh lâu năm nên trong quá trình chung sống giữa chị T và anh H có xảy ra mâu thuẫn gì không Hội liên H phụ nữ xã NP không biết.

Tại phiên tòa chị T vẫn cương quyết xin ly hôn, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; thực tế anh H và chị T không chung sống với nhau hơn 3 tháng mà không quan tâm nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp.

[4]. Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung tên, Lê Thị Như Y, sinh ngày 28/7/1998 và Lê Thị Như H, sinh ngày 12/12/2002. Hiện nay hai con đã trưởng thành chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị Thanh T tự nguyện chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Phan Thị Thanh T về việc "Ly hôn" với anh Lê Đức H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị Thanh T được ly hôn với anh Lê Đức H.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị Phan Thị Thanh T tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003109 ngày 31/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Nông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nông Sơn;
- UBND xã NP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tam